

Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người Tài chính và cơ sở hạ tầng

PGS.TS. TRẦN NGỌC THƠ

Ảnh Hòa Tấn



“Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người” là tựa đề của Báo cáo phát triển thế giới do WB công bố năm 2005. Theo đó, Chính phủ các nước giờ đây cần phải đặc biệt chú trọng đến mối quan hệ hỗ tương giữa tài chính và cơ sở hạ tầng.

Chủ trương khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng ở VN khó có thể thực hiện được trong bối cảnh cổ phần hoá các DNNN diễn tiến quá chậm chạp và tín dụng cho khu vực DNNN lại có xu hướng tăng lên; tình trạng độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng và cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng như chỉ là đặc quyền riêng của các DNNN và bằng hầu bao từ NSNN với lãng phí và tham nhũng rất đáng ngại. Tất cả cần phải được khẩn trương giải quyết dứt điểm ngay trong năm 2005, chỉ có như thế VN mới thật sự chứng minh quyết tâm tạo ra một “Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người”.

Tại sao phải đặt vấn đề tiếp cận tài chính trong mối quan hệ với cơ sở hạ tầng?

Trong báo cáo thường niên này,

WB đã gửi một thông điệp đến chính phủ các nước, rằng hãy đặc biệt chú ý đến mối quan hệ giữa tài chính và cơ sở hạ tầng trong việc xây dựng các chính sách kinh tế. Cùng lúc đó, hội nghị các

nhà tài trợ cho VN đang diễn ra tại Hà Nội đã đặt vấn đề khuyến khích tư nhân tham gia vào đầu tư hạ tầng cơ sở. Chủ trương này cũng đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía Chính phủ. Cùng lúc đó, trong chuyến thăm VN vào cuối năm 2004 GS Joseph Stiglitz, nhà kinh tế đoạt giải Nobel kinh tế năm 2001, đã khuyên Chính phủ khi mở cửa lĩnh vực ngân hàng phải bảo đảm rằng các DN trong nước, các hộ nông dân cũng sẽ được tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ tài chính, nếu không hội nhập sẽ chỉ mang lại lợi ích cho một số ít người mà thôi.

Mối quan hệ giữa tài chính và cơ sở hạ tầng có thể được hiểu bằng cách bắt đầu ghép nối những mảng miếng trong một bức tranh toàn cảnh như thế.

Cơ sở hạ tầng tốt sẽ kết nối DN với khách hàng và người cung ứng. Ngoài ra, chúng còn giúp cho các nhà cung ứng giảm được chi phí sản xuất, tạo ra được những kỹ thuật sản xuất hiện đại. Tăng cường cơ sở hạ tầng như đường sá nông thôn, chẳng những giúp cho các DN không những đưa được hàng hoá của họ ra thị trường, mà còn làm tăng tỷ lệ người dân nhập học vào các bậc phổ thông trung học. Hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng phát triển tạo thêm nhiều cơ hội để cho ngày càng nhiều DN có thể mua hàng hoá của các hộ nông dân nghèo và làm giảm đi phần nào sự bóc lột của các DN do không còn tình trạng độc quyền.

Một thị trường tài chính vận hành tốt sẽ là cầu nối giữa DN với người cho vay và các nhà đầu tư tiềm năng. Bằng những phương thức trực tiếp hoặc gián tiếp, các thị trường tài chính phát triển và hoạt động tốt còn làm giảm nghèo đói. Thị trường tài chính vận hành tốt sẽ làm giảm bất bình đẳng về thu nhập và làm giảm đi những rào cản trong phân cách tín dụng và do đó làm tăng các cơ hội đầu tư đối với những hộ gia đình nghèo. Chẳng những thế, cải thiện được sự vận hành của thị trường tài chính còn giúp cho người nghèo vượt qua được những nghịch cảnh, giáo dục con cái và cải thiện nhà cửa của họ.

Thiếu hụt trong tài chính và cơ sở hạ tầng sẽ làm cản trở các DN khai thác các cơ hội đầu tư. Chúng còn là nguyên nhân cơ bản làm tăng thêm chi phí và do đó làm trầm trọng thêm các rủi ro mà

DN phải gánh chịu. Những thiếu hụt này sẽ ngăn cản DN gia nhập vào thị trường hàng hoá dịch vụ và thị trường tài chính, và do đó làm xói mòn động cơ sáng tạo và nâng cao năng suất lao động của họ. Đây là một trong những vấn nạn lớn nhất mà các nước đang phát triển cũng như VN phải đối phó trong quá trình hội nhập.

Đó chính là "nhận thức mới" về cải thiện môi trường đầu tư trong mối quan hệ giữa tài chính và cơ sở hạ tầng. Chính phủ phải tạo ra môi trường đầu tư tốt hơn cho tất cả mọi người chứ không chỉ riêng cho DN. Các DN ở đây phải bao hàm hết các loại hình DN, chứ không chỉ có các DN lớn có ảnh hưởng mạnh. DN nhỏ và vừa, DN lớn, DN nước ngoài, công nghệ thấp, công nghệ cao, DNNN và các DN thuộc mọi thành phần kinh tế, tất cả đều quan trọng như nhau cho cộng đồng. Hơn thế nữa, chúng phải làm lợi cho toàn xã hội, chứ không chỉ thuần túy cho các DN.

Những cách tiếp cận mới về tài chính và cơ sở hạ tầng

Các nước trên thế giới giờ đây đã học được rất nhiều bài học từ trong quá khứ. Từ những bài học này, theo những thông điệp của WB trong Báo cáo phát triển thế giới 2005, chính phủ các nước cần có những cách tiếp cận mới về tài chính và cơ sở hạ tầng. Cách tiếp cận mới này liên quan đến năm yếu tố then chốt:

- Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.
- Khuyến khích cạnh tranh.
- Bảo đảm quyền của người đi vay, người cung cấp tín dụng và các cổ đông.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho những nguồn thông tin.
- Bảo đảm rằng các ngân hàng không phải chịu những rủi ro quá lớn.

Chúng ta thử dựa trên năm yếu tố then chốt mà WB công bố trong việc tiếp cận chủ đề tài chính và cơ sở hạ tầng trong điều kiện VN. Nhưng tốt nhất, trước hết chúng ta hãy cùng nhau nhìn lại những thất bại của cách tiếp cận mới này. Có thể xem đây như là bài học kinh nghiệm đầu tiên mà Chính phủ cần phải lưu ý trong quá trình khuyến khích tư nhân tham gia vào xây dựng cơ sở hạ tầng và cùng lúc đó là mở cửa thị trường tài chính.

Do những nhận thức mới từ năm yếu tố then chốt này mà ngày nay nhiều Chính phủ đã tiến hành các bước nhằm làm tăng tính cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ tài chính và cơ sở hạ tầng. Chính phủ chấp nhận sự đánh đổi giữa những lợi ích nhận được và thất bại của thị trường, chủ yếu do những yếu tố liên quan đến việc mất cân xứng thông tin, cũng như những thất bại của Chính phủ. Những thất bại đó là:

1. Thất bại của thị trường:

Không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu các định chế tài chính có thể ước tính chính xác khả năng người đi vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, họ có thể tính phần rủi ro và các mức lãi suất tương ứng với rủi ro do khách hàng không thực hiện nghĩa vụ.

Lãi suất cho vay cao. Các DN đi vay luôn hứa sẽ tìm cách trả nợ nhưng lại luôn có những rủi ro từ các hứa hẹn này. Trong điều kiện bất cân xứng thông tin, người cho vay luôn có những hiểu biết ít ỏi về người đi vay. Do đó, bản thân việc gia tăng lãi suất không thôi không thể bảo vệ họ đầy đủ. Họ phản ứng lại bằng cách tăng lãi suất cho vay cao hơn nữa, và điều này làm nản chí những người đi vay trung thực hoặc những người đi vay có rủi ro thấp.

Rủi ro cho thị trường tài chính. Những dự án có độ rủi ro cao mới là những dự án mà chỉ còn lại những người đi vay có các vấn đề về mặt tài chính mới dám đầu tư vào giống như là chơi một canh bạc được ăn cào, ngã về không.

2. Thất bại của Chính phủ:

Tăng chi phí rất lớn. Đầu tư tư nhân để gia tăng tính cạnh tranh vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng trong các lĩnh vực như đường sá hoặc điện lực ở những vùng xa xôi có thể làm gia tăng chi phí rất lớn, và những người dân nghèo phải gánh chịu hết những bất lợi này. Sau rất nhiều phiên tranh luận bất đồng giữa chủ trương thận trọng của Chính phủ trong việc tư nhân hoá đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cuối cùng qua khảo sát ở những vùng sâu vùng xa ở nước ta, các nhà tài trợ quốc tế cũng đã có cái nhìn cảm thông hơn về chính sách thận trọng của VN. Nghĩa là trong một chừng mực nào đó, những can thiệp của Chính phủ vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng trong điều kiện đặc thù của từng nước vẫn rất cần thiết.

Tạo ra bất công mới. Cạnh tranh

trong lĩnh vực đầu tư vào cơ sở hạ tầng không phải lúc nào cũng tốt. Chẳng hạn như trong lĩnh vực điện năng, chỉ có những DN ở thành thị mới có thể nhận được những tiện ích này. Còn những hộ nông dân nghèo ở nông thôn thì khó có thể. Như vậy, việc gia tăng tính cạnh tranh trong việc cải thiện cung cấp các dịch vụ hạ tầng lại làm tăng thêm những bất công mới.

NSNN không đủ vốn, tư nhân lại không dám đầu tư. Nếu ghép hai mảng này lại với nhau, có thể thấy rằng cách tiếp cận mới về tài chính và cơ sở hạ tầng đòi hỏi VN phải tăng cường hơn nữa đầu tư tư nhân vào khu vực này. Để có nguồn vốn đầu tư vào những lĩnh vực có vốn lớn và thời gian thu hồi vốn rất lâu, Chính phủ không thể đáp ứng nhu cầu này bằng cách sử dụng nguồn vốn ngân sách. Nhưng đầu tư của tư nhân vào các lĩnh vực vốn có nhiều rủi ro như thế lại không thể trông chờ vào nguồn vốn riêng của từng cá nhân, Chính phủ phải mở cửa thị trường vốn trong nước, xoá bỏ độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng để cho các nhà đầu tư tư nhân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Chỉ có như thế mới có thể tháo gỡ những rào cản và những hạn chế sự tiếp cận vốn của các thành phần kinh tế đối với thị trường vốn trong nước. Và cũng chỉ có như thế, cả hai đối tác song hành là tài chính và cơ sở hạ tầng mới có thể phát triển độc lập trong mối quan hệ hỗ tương với nhau với đích đến là tăng trưởng kinh tế bền vững.

Hạ tầng cơ sở ở VN: Chưa khuyến khích tư nhân tham gia

Chính vì có khả năng dẫn đến những thất bại của thị trường và thất bại của Chính phủ trong việc khuyến khích tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cho nên luôn có những quan điểm thận trọng đáng để chúng ta chia sẻ trong các cách tiếp cận khác nhau. Nhưng cho dù có muốn hay không, việc khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng là điều không thể tránh khỏi. Vấn đề nằm ở chỗ phương thức triển khai sao cho hợp lý. Sở dĩ như thế là do ngoài yếu tố ổn định kinh tế vĩ mô đã được cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao, VN còn có rất nhiều điều phải làm cho những năm sắp đến nhằm cải thiện thị trường tài chính trong mối quan hệ với

cơ sở hạ tầng theo “định hướng” cơ hội đầu tư tốt hơn cho mọi người.

Vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng quá lớn. Theo dự tính, những chi tiêu cho cơ sở hạ tầng là rất lớn, ngành điện cần khoảng 2 tỷ đôla mỗi năm. Tính cho giai đoạn từ nay đến 2010, nguồn vốn để phát triển hệ thống cấp nước chỉ tính riêng ở TP.HCM không thôi đã lên đến khoảng 2 tỷ đôla; hệ thống cảng biển là 1,86 tỷ đôla cho quy hoạch đến năm 2010; đường sắt là 1,5 tỷ giai đoạn 2001-2010; hệ thống quốc lộ là 8,71 tỷ đôla. Điều đặc biệt nghiêm trọng đối với các tỉnh phía Nam là hiện nay hệ thống cảng biển chiếm vị trí rất quan trọng, nhưng lại thiếu nghiêm trọng. Nếu không kịp xây dựng ngay từ bây giờ sẽ không thể nào đáp ứng nổi nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất khẩu vào năm 2007.

Trong khi đó theo như nhận định của các nhà tài trợ quốc tế cho VN, nguồn vốn ODA ngày càng ít đi và VN chỉ có thể nhận ODA chỉ trong khoảng 10 năm nữa, hoàn toàn không thể trông chờ vào nguồn vốn ngân sách.

Nguồn đầu tư tư nhân chưa được khuyến khích. Hiện nay nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa được khai thác triệt để. Các nhà đầu tư trong nước và quốc tế luôn phân vân rằng Chính phủ chưa có cơ sở pháp lý thông thoáng cho khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng, nhất là cơ sở hạ tầng. Nghị định thu hút đầu tư theo hình thức BOT ban hành từ năm 1993 đến nay đã quá lạc hậu nhưng vẫn chưa thấy sửa đổi. Ngoài dự án điện Phú Mỹ là thu hút được nhiều nhà đầu tư, còn lại các dự án khác như cấp nước, tại TP.HCM hoặc Vũng Tàu cũng như cả nước đều thất bại. Đầu tư vào giao thông cũng chưa thấy bóng dáng các nhà đầu tư nào.

Tài chính: Vẫn còn độc quyền và nặng phân biệt

Tín dụng cho khu vực tư nhân còn thấp. Tổng tín dụng trên GDP dành cho khu vực kinh tế tư nhân đã có sự gia tăng trong những năm qua nhưng vẫn còn rất thấp, khoảng 25%. Một điều lạ là trong khi số lượng các DNNN giảm đi do chủ trương tái cấu trúc lại khu vực này, thì tín dụng cho các DNNN lại không giảm đi, thậm chí có xu hướng tăng lên, năm

2002 là 89,3 nghìn tỷ, năm 2003 là 92,3 nghìn tỷ.

Chủ trương khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng khó có thể thực hiện được trong bối cảnh cổ phần hoá các DNNN diễn tiến quá chậm chạp và tín dụng cho khu vực này lại có xu hướng tăng lên. Tín dụng cho khu vực tư chưa tăng trưởng ngang tầm với tốc độ tăng trưởng đầy ấn tượng của chúng trong những năm qua cho thấy ngoài khu vực DNNN ra, khó có DN tư nào có đủ khả năng tài chính tiếp cận với các cơ hội đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Phân biệt đối xử về mặt pháp lý. Khu vực tư nhân, đặc biệt các DN vừa và nhỏ thường cho rằng được đáp ứng ít hơn từ hệ thống ngân hàng. Khung luật pháp và sự giúp đỡ hoàn toàn tuyệt đối và gần như là công khai của Chính phủ đối với các DNNN hơn các DN thuộc sở hữu tư nhân đã kìm hãm khả năng của khu vực tư nhân thâm nhập vào việc cho vay của ngân hàng.

Trong khi Chính phủ đã xoá bỏ những cản trở đối với khu vực tư nhân để hoạt động và tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ngân hàng thì những hình thức khác nhau của sự thành kiến trong luật lệ vẫn còn tồn tại, đặc biệt là những quan điểm của các NHTMQD và cả NHTMCP liên quan đến các qui định thận trọng trong việc cho phép khu vực tư nhân tiếp cận với các nguồn vốn của ngân hàng. Chẳng hạn như, mặc dù giờ đây các ngân hàng đã được phép cung cấp khoản cho vay không bảo đảm đối với các DN tư nhân nhưng điều này chỉ áp dụng cho các DN có lợi nhuận trong 2 năm liên tiếp. Những quy định máy móc và can thiệp không cần thiết này vào các hoạt động tác nghiệp của các ngân hàng đã ngăn cản các DN tư nhân và các DN mới khởi sự tiếp cận được nguồn tài chính của ngân hàng. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo của các NHTMQD còn rất e ngại mở rộng tín dụng cho khu vực tư nhân vì sợ những hậu quả mất mát tiềm năng có thể xảy ra cho ngân hàng trong khi đối với các DNNN thì không, vì họ biết rằng trước sau gì Chính phủ cũng sẽ can thiệp để cứu các DNNN.

Tính cạnh tranh, sự minh bạch và giám sát của hệ thống ngân hàng còn yếu. Hệ thống NHTMQD hiện nay luôn gắn liền với quản lý yếu kém, tham

nhũng và các thủ tục lỏng lẻo đối với việc thu hồi nợ từ người vay. Ngoài ra, việc độc quyền trong các NHTMQD chẳng những làm cản trở cạnh tranh đối với khu vực tư nhân, đặc biệt là các DN nhỏ và vừa, mà còn phá vỡ tan nát thị trường tài chính trong nước. Thị trường chứng khoán trong thời gian qua khó phát triển được có một phần nguyên nhân không nhỏ từ các độc quyền này.

Tính cạnh tranh giữa các ngân hàng vẫn còn quá thấp. Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn bị hạn chế rất nhiều trong việc tham gia vào lĩnh vực ngân hàng. Luật pháp hiện nay chỉ cho phép thành lập các tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài, và các chi nhánh của các ngân hàng nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài nhìn chung chưa được góp cổ phần vào các ngân hàng trong nước. Hiện nay có hơn 30 ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại VN nhưng bị hạn chế trong hầu hết các giao dịch. Một bất hợp lý khác nữa, trong khi các ngân hàng nước ngoài bị hạn chế chặt chẽ trong việc huy động VND, thì lại không có những hạn chế tương tự như đối với các công ty bảo hiểm nước ngoài. Hiện nay có khoảng 53 văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài. Nhưng những văn phòng này chỉ được phép làm đại lý cho các ngân hàng nước ngoài và không được phép thực hiện các nghiệp vụ như ngân hàng trong nước.

Toàn bộ những thực trạng về phát triển cơ sở hạ tầng và thị trường tài chính của VN hiện nay nếu không giải quyết cấp bách ngay trong năm tới sẽ là quá muộn và vô cùng bất lợi cho các DN trong lộ trình gia nhập WTO vào năm 2005.

Những giải pháp cấp bách cho vấn đề tài chính và hạ tầng cơ sở trong năm 2005

Năm 2005 cũng là năm kết thúc kết thúc một quá trình của kế hoạch 5 năm mà Đảng và Nhà nước chủ trương theo đuổi trong lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì thế, cần phải khẩn trương hoàn thành tốt những công việc khẩn cấp ngay trong năm nay cho vấn đề tài chính và cơ sở hạ tầng ở VN.

Khuyến khích mạnh mẽ tư nhân tham gia đầu tư vào hạ tầng cơ sở. Hiện nay có hai luồng quan điểm vẫn còn

chưa nhất trí với nhau về việc có nên tư nhân hoá đầu tư vào cơ sở hạ tầng hay không. Quan điểm của các nhà đầu tư nước ngoài cho rằng có những bằng chứng cho thấy, nếu thu hút đầu tư tư nhân vào cơ sở hạ tầng sẽ làm giảm giá dịch vụ, điển hình là giá viễn thông. Trong khi đó, quan điểm từ phía các quan chức Chính phủ lại cho rằng khuyến khích đầu tư tư nhân vào hạ tầng như vào ngành điện, và tính theo giá thị trường thì toàn bộ xã hội phải chấp nhận giá điện cao. Mặc dù vậy, xu hướng chung của các nước trên thế giới là ủng hộ tư nhân tham gia đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Thiết nghĩ, có lẽ đại bộ phận người dân hoàn toàn ủng hộ chủ trương này mặc dù vẫn còn một số những điều cần phải cân nhắc.

Theo những nghiên cứu của WB, sự tham gia của tư nhân có vai trò to lớn, nhưng Chính phủ vẫn là nhà tài trợ chính cho việc đầu tư vào các cơ sở hạ tầng, đặc biệt là lĩnh vực giao thông đường bộ. Nhưng do nguồn lực của NSNN là có hạn cho nên có rất nhiều vấn đề phải được cân nhắc kỹ. Chúng ta vẫn thừa nhận cần có sự tham gia của Chính phủ trong lĩnh vực đầu tư vào hạ tầng cơ sở, nhưng chỉ nên ở những vùng sâu vùng xa mà thôi. Nói chung, đây nên chỉ là những trường hợp ngoại lệ. Giải pháp triệt để và dài hạn nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng trong thời gian tới vẫn là tư nhân hoá. Các vấn đề khác có thể xem xét là:

- Giảm bớt những phiền hà về thủ tục hành chính, tạo cho các nhà cung cấp dịch vụ sự độc lập về mặt quản lý đối với các công trình hạ tầng cơ sở. Tuy nhiên những bằng chứng trong thời gian qua về các dự án thu phí, mà vụ thu phí đường Huỳnh Tấn Phát tại TP.HCM là một điển hình, đã làm nản lòng không biết bao DN. Vai trò của Chính phủ trong những trường hợp này vẫn còn quá mờ nhạt.

- Áp dụng các báo cáo tài chính và kiểm toán cao cấp. Hoặc thuê giám đốc, đặc biệt đối với các DNNN hoạt động trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng. Ở Nam Phi hiện nay, công ty điện lực nhà nước Eskom là một công ty với các giám đốc không phải là các quan chức Chính phủ có kinh nghiệm kinh doanh và báo cáo tài chính được tuân thủ theo những chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mặc dù như thế nhưng Chính



phủ vẫn rất khó vượt qua được những can thiệp về mặt chính trị ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh và không thể làm cho giá cả thấp hơn giá thành. Đó chính là một phần lý do tại sao nhiều Chính phủ tuy đã tiến hành rất nhiều công cuộc cải tổ, nhưng cuối cùng vẫn quay sang thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân.

- Trong năm 2005 phải khẩn trương chỉnh sửa lại nghị định về BOT phù hợp với tình hình mới. Đánh giá nhu cầu và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng trong những năm tới. Phân tích và dự báo cho được các chi phí đầu vào và giá đầu ra cho các dịch vụ hạ tầng cơ sở. Đây là vấn đề làm các nhà đầu tư đau đầu nhất.

Khuyến khích các định chế phi ngân hàng đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Lĩnh vực bảo hiểm hiện đang có vẻ đóng vai trò như là trung gian giữa các nguồn tài chính dài hạn và hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên cũng có những tín hiệu cảnh báo rằng, các nguồn vốn huy động được bởi các công ty bảo hiểm dường như đã được đầu tư vào các lĩnh vực bất động sản, và điều này có thể góp phần làm tăng nguy cơ cơn sốt giá bất động sản một cách giả tạo cho nền kinh tế. Ngoài ra, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy rằng hoạt động huy động vốn và cách thức vốn được chu chuyển vào nền kinh tế bởi những khu vực khác nhau của hệ

thống tài chính còn khá rời rạc. Tất cả đã không đáp ứng được một cách hiệu quả các nhu cầu đa dạng của nền kinh tế, trong đó có việc huy động vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Những bằng chứng trên cho thấy các vấn đề về mặt chính sách mà Chính phủ cần triển khai gấp trong năm 2005 là:

- Chính phủ nên kiểm tra thường xuyên việc huy động các nguồn lực hiện tại ở các tổ chức tài chính khác nhau bao gồm các NHTMQD, NHCP và các định chế phi ngân hàng để đảm bảo rằng chúng có thể đáp ứng được một cách đúng đắn các mục đích của nền kinh tế.

- Chính phủ nên có những cơ chế khuyến khích các định chế phi ngân hàng đầu tư vốn vào lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng thông qua các ưu đãi trong chính sách thuế đánh trên các khoản thu nhập từ các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Tách tín dụng chỉ định ra khỏi ngân hàng thương mại một cách thực chất. Trong những năm qua Chính phủ đã tách các hoạt động tín dụng ưu đãi và tín dụng chính sách ra khỏi các NHTMQD bằng cách lập hẳn ngân hàng chuyên trách hoạt động này như Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) và Quỹ hỗ trợ phát triển (HTPT). Với chủ trương này, Chính phủ đã chuyển các rủi ro từ các khoản tín dụng chỉ định từ khu vực

tài chính sang các tổ chức bên ngoài ngân sách. Trên thực tế, việc tách tín dụng chỉ định ra khỏi NHTM trong thời gian qua dường như chỉ là trên danh nghĩa. Những thất bại của hệ thống Quỹ HTPT trong thời gian qua là vô kể, mà điển hình là các chương trình đánh bắt xa bờ, hoặc như việc Chính phủ vẫn còn can thiệp vào việc cho vay của các NHTM để nuôi sống các DNNN vẫn còn tồn tại ở nhiều cấp độ khác nhau. Giải pháp trong thời gian tới là:

- Chính phủ cần khẩn trương nghiên cứu xây dựng một khuôn khổ cho vay "chính sách mới" dựa trên nền tảng tham vấn rộng rãi bao gồm Quỹ HTPT, NHCSXH để đảm bảo tính nhất quán, và sự minh bạch của đối tượng được trợ cấp. Có như vậy sự tồn tại của Quỹ HTPT và NHCSXH mới khả thi, bền vững và đi vào thực chất.

- Đồng thời các đánh giá và xem xét các nhu cầu phát triển của hoạt động cho vay chính sách cần được ưu tiên cao hơn trong các chương trình nghị sự của Chính phủ và Quốc hội.

Cổ phần hoá các NHTMQD. Để gia tăng tính cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng, NHNN đã đồng ý cho phép cổ phần hoá thí điểm VCB với sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài. Chủ trương cổ phần hoá các NHTMQD chẳng những giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của các ngân hàng mà còn bổ sung đáng kể vào nguồn vốn, hiện đang còn rất thấp của các NHTMQD. Theo đánh giá, chỉ riêng bốn NHTMQD

không thôi, thì phải cần bổ sung thêm khoảng 117 ngàn tỷ đồng nữa mới đạt đến tỷ lệ an toàn vốn theo thông lệ quốc tế là 8%. Các giải pháp cấp bách cần tiến hành là:

- Thời gian cổ phần hoá cụ thể phải được ấn định tối đa vào năm 2005. Hết thời hạn này, vì bất kỳ lý do gì Chính phủ cần phải có những biện pháp dứt khoát. Người dân không thể cứ nghe mãi điệp khúc quen thuộc của lãnh đạo cao nhất là "lần này sẽ làm quyết liệt".

- Các công việc chuẩn bị cổ phần hoá phải bắt buộc bằng một đợt kiểm toán hoạt động và tài chính độc lập dựa trên tổ chức kiểm toán quốc tế, chuẩn bị báo cáo đánh giá về hoạt động của ngân hàng này và một tổng kết môi trường thể chế trong hoạt động ngân hàng.

- Ngoài ra, Chính phủ phải chỉ đạo NHNN triển khai ngay việc tìm kiếm một nhà đối tác – nhà đầu tư chiến lược trong quá trình cổ phần hóa các NHTMQD. Cho đến khi nào bốn ngân hàng này vẫn chưa cổ phần hoá, hệ thống hạ tầng cơ sở vẫn không thể nào phát triển theo kịp với tốc độ phát triển của nền kinh tế. Theo đánh giá của UNDP, chừng nào bốn ngân hàng này vẫn còn thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Chính phủ, thì sẽ tiếp tục có những xung đột cơ bản về quyền lợi giữa nhu cầu của các DNNN, là các khách hàng lớn và thường xuyên của các ngân hàng này, với các yêu cầu đối với quy chế thận trọng của hệ thống tài chính và những yêu cầu chi tiêu ngân sách và

hành chính khác của Chính phủ. Những quy định thận trọng đó hoàn toàn không thích hợp với các nhà đầu tư muốn tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng để đầu tư vào hạ tầng cơ sở. Bởi một lẽ đơn giản, đầu tư vào hạ tầng cơ sở cần có thời gian thu hồi vốn rất dài. Giải pháp cục bộ cho vấn đề này là hình thành các ngân hàng chính sách riêng, nhưng giải pháp dài hạn cho vấn đề này là cổ phần hoá các NHTMQD. Đầu năm 2004 người dân cũng đã từng nghe lãnh đạo cao nhất của Chính phủ khẳng định sẽ làm "quyết liệt" để cho đến tháng 7.2004 hoàn thành xong cổ phần hoá VCB. Nhưng cho đến nay, vẫn chưa có những tín hiệu rõ ràng về việc cổ phần hoá VCB và các NHTMQD khác cho năm 2005.

Kết luận

Chủ trương khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng khó có thể thực hiện được trong bối cảnh cổ phần hoá các DNNN diễn tiến quá chậm chạp và tín dụng cho khu vực DNNN lại có xu hướng tăng lên; tình trạng độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng và cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng như chỉ là đặc quyền riêng của các DNNN và bằng hầu bao từ NSNN với những lãng phí và tham nhũng rất đáng ngại. Tất cả cần phải được khẩn trương giải quyết dứt điểm ngay trong năm 2005, chỉ có như thế Chính phủ mới thật sự chứng minh quyết tâm tạo ra một "Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người" ■

(Tiếp theo trang 14)

Hoạt động đầu tư nước ngoài năm 2004 ...

- Kiến nghị Bộ kế hoạch và đầu tư sớm trình Chính phủ sửa đổi danh mục các dự án thuộc nhóm A (Thủ tướng Chính phủ cấp giấy phép) theo hướng thu hẹp, vì hiện nay một số dự án nước ngoài về dịch vụ văn hoá, giáo dục, y tế... dù vốn mỗi dự án chỉ vài trăm ngàn USD nhưng theo quy định hiện hành vẫn thuộc danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp giấy phép với quy trình thủ tục phức tạp, đã gây khó khăn nhất định cho nhà đầu tư.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực phải được chú ý: đào tạo cán bộ quản lý có năng lực, có chuyên môn cao, đạo đức tốt, có tâm vì sự phát triển của doanh nghiệp; đào tạo các nhà kinh doanh, các chuyên gia giỏi; đội ngũ công nhân lành nghề, có tay nghề cao... và coi nguồn nhân lực tốt là tiền đề quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

- Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng chiến lược "lôi kéo" các nhà đầu tư lớn vào VN hoạt động.

- Tiếp tục công cuộc cải tổ và hoàn thiện thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động đầu tư; nâng cao chất lượng thực hiện "cơ chế một cửa tại chỗ" về thủ tục hành chính có liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài. Đấu tranh không khoan nhượng với hiện tượng tham nhũng; "hành" doanh nghiệp ở tất cả các khâu quản lý nhà nước, tiến tới xây dựng luật chống tham nhũng riêng.

Mùa Xuân năm 2005 đã tới hy vọng sẽ mang lại nhiều thắng lợi mới đến với một dân tộc khát vọng vươn lên về kinh tế để sánh vai với các nước khác về sự thịnh vượng và hạnh phúc. Nếu thực hiện các giải pháp kể trên để tăng cường thu hút vốn nước ngoài nhiều hơn nữa là tạo ra những tiền đề quan trọng để biến hy vọng thành hiện thực ■